

ĐỀ TIẾN TỚI MỘT NỀN I HỌC MỚI CỦA VIỆT-NAM

PHẠM BÁ CƯ

Phương hướng tiến lên của khoa học nước ta mà Đảng ta đã vạch rõ là, tránh « những con đường mòn », chúng ta cần làm nhiệm vụ của chúng ta « theo những con đường tốt nhất và độc đáo, phù hợp với điều kiện của nước ta, với yêu cầu của nhân dân ta và với những kiến thức khoa học hiện đại nhất » (Nghị quyết về việc tăng cường công tác khoa học và kỹ thuật trong tình hình và nhiệm vụ mới — 1967).

Bản dự thảo đề cương cách mạng khoa học và kỹ thuật trong i học đã nói rõ cách làm của ngành ta trong việc thực hiện phương hướng nói trên: « Dựa vào những kiến thức hiện đại nhất, chúng ta đi sâu vào đồng i thực nghiệm, dần dần đưa việc kết hợp đồng i và tây i đến một trình độ khoa học cao, từ đó xây dựng một nền i học Việt-nam thống nhất, có một cơ sở thực tiễn và lý luận vững chắc ».

Theo cách làm đó thì nền i học mới của Việt-nam sẽ là kết quả của một quá trình phát triển tuần tự, đi từ thấp tiến lên cao, từ kết hợp tiến tới thống nhất đồng i và tây i trên cơ sở khoa học hiện đại. Đó là một cách làm đúng đắn có thể bảo đảm cho i học của ta phát triển vững chắc. Nhưng mặt khác, cách làm đó chưa tạo điều kiện cho i học của ta có thể tiến nhanh, tiến mạnh để đáp ứng nhu cầu bức thiết của nhân dân ta và yêu cầu cấp bách của sự nghiệp cách mạng ở nước ta.

Vì vậy, một vấn đề cần được đặt ra trong cách mạng khoa học và kỹ thuật trong i học của ta là: ngoài con đường nói trên, còn có con đường nào ngắn hơn không? Hay nói cách khác, ngoài quá trình phát triển tuần tự nói trên, i học của ta có khả năng nhảy vọt không? Và giữa hai hình thức phát triển đó có quan hệ gì không?

Đó là nội dung chủ yếu của vấn đề: quan hệ cách mạng giữa quá trình phát triển tuần tự và khả năng nhảy vọt của i học Việt-nam, một vấn đề then chốt của i học nước ta.

I học Việt-nam là một bộ phận không thể tách rời của i học thế giới. Vì vậy, muốn biết i học của ta có khả năng nhảy vọt hay không, cần phải nhìn vào hai tiền đề cơ bản: một là, i học thế giới sẽ đi tới đâu; hai là, i học của ta có khả năng đuổi kịp i học thế giới hay không.

Muốn biết rõ i học thế giới sẽ đi tới đâu trước hết cần phải xác định xu thế phát triển của nó. Xu thế đó (như đã nói trong bài trước — Tạp chí *Hoạt động khoa học* số 10-1972) đã được xác định trên cơ sở phân tích những mâu thuẫn cơ bản của i học thế giới (1), và trên cơ sở tìm hiểu qui luật phát triển của nó (2).

Nhưng xác định xu thế phát triển của i học thế giới chưa đủ để cho phép chúng ta biết rõ i học thế giới sẽ đi tới đâu. Vì, là một khoa học ứng dụng, có nhiệm vụ thông qua nhân dân lao động phục vụ yêu cầu của sản xuất, i học không chỉ phát triển theo qui luật của nó mà còn tùy thuộc vào qui luật phát triển của xã hội. Nếu nghiên cứu lịch sử i học dưới ánh sáng của chủ nghĩa duy vật lịch sử, thì một điểm nổi bật đáng được chú ý là từ trước đến

(1) Mâu thuẫn giữa i học hiện đại và các nền i học khác; mâu thuẫn ngay trong bản thân i học hiện đại, giữa các thuyết i học khác nhau.

(2) Từ tổng hợp chuyển sang phân tích, rồi từ phân tích trở về tổng hợp để tiến lên một trình độ cao hơn — vừa phân tích vừa tổng hợp, mà cụ thể là kết hợp đồng i và tây i trên cơ sở chủ nghĩa duy vật biện chứng và khoa học hiện đại.

nay, mỗi lần một chế độ xã hội ra đời, luôn luôn có một nền i học tương ứng với phương thức sản xuất của nó. I học Hipocrat tương ứng với phương thức sản xuất của chế độ nô lệ ở Hi-lạp; đông i tương ứng với phương thức sản xuất của chế độ phong kiến ở Trung-quốc và một số nước khác của phương Đông; i học hiện đại tương ứng với phương thức sản xuất của chế độ tư bản.

Duy chỉ có chế độ xã hội chủ nghĩa tuy đã ra đời nhưng chưa có nền i học tương ứng với phương thức sản xuất của nó — phương thức sản xuất cao nhất từ trước đến nay. Do đó, thời đại mới — thời đại quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội — có những yêu cầu cao và bức thiết về i tế và i học, nhưng vì hạn chế bởi những mâu thuẫn nội tại, nên nền i học hiện đại không có khả năng đáp ứng được. Đó là mâu thuẫn cơ bản thứ ba của i học thế giới, mâu thuẫn giữa khả năng hạn chế của i học hiện đại và yêu cầu cao của thời đại mới. Mâu thuẫn đó sẽ được giải quyết bằng sự ra đời của một nền i học mới có chất lượng cao hơn — nền i học xã hội chủ nghĩa. Và cũng chính những mâu thuẫn đó là tiền đề tất yếu, là điều kiện chín muồi cho sự ra đời của nền i học mới, dĩ nhiên là phải thông qua một cuộc cách mạng: cách mạng i học xã hội chủ nghĩa.

Như vậy, tiến tới một nền i học xã hội chủ nghĩa là con đường phát triển tất yếu của i học thế giới.

Vậy i học xã hội chủ nghĩa có những đặc điểm gì? Về căn bản, nó khác nền i học hiện đại như thế nào?

Muốn trả lời các câu hỏi đó, cần đi sâu vào phân tích nền i học hiện đại để thấy rõ mặt hạn chế của nó không những trên phương diện lí thuyết mà cả trên phương diện ứng dụng; và mặt khác, cần nhận rõ những yêu cầu cơ bản của thời đại mới, yêu cầu do thực tiễn sản xuất mới đề ra đồng thời do nhân sinh quan mới đòi hỏi.

Nền i học hiện đại, như đã nói rõ trong bài trước, là một nền i học mà tính chất là phân tích và bản chất là nhị nguyên (nhị nguyên luận). Do tính chất phân tích mà nó mâu thuẫn với các nền i học có tính chất tổng hợp (đông i, i học Hipocrat, i học tiên tiến của Liên-xô); do bản chất nhị nguyên mà nó mâu thuẫn với bản thân nó: mâu thuẫn giữa sinh vật học phân tử thiên về vật chất (protit) và thuyết « cấu tạo lưới » nặng về tinh thần (i thức).

Do tính chất phân tích, i học hiện đại ngày

càng đi sâu vào cục bộ và siêu hình mà điển hình là sinh vật học phân tử. Do bản chất nhị nguyên mà i học hiện đại lúc thì đề cao một cách máy móc cơ cấu vật chất (như tế bào trong thuyết Virchow chẳng hạn), lúc thì cường điệu yếu tố tinh thần (như tiềm thức trong thuyết Freud chẳng hạn); và do đó cứ lẩn quẩn trong một cái vòng không có lối thoát, đề cuối cùng đi tới một cuộc khủng hoảng toàn diện về i cũng như được, về i học cũng như i tế, về phòng bệnh cũng như chữa bệnh, về lí thuyết cũng như thực hành.

Trong cuốn sách nổi tiếng « Con người, kẻ xa lạ ấy » (*L'homme, cet inconnu*), Alexis Carrel, sau khi tổng kết những thành tựu to lớn của i học hiện đại trong mấy trăm năm qua, đã đi đến kết luận: i học hiện đại không đem lại một sức khỏe tự nhiên (*santé naturelle*) mà có khuynh hướng đem lại một sức khỏe giả tạo (*santé artificielle*). Vì lí tưởng của nó là can thiệp vào chức phận các tổ chức, các cơ quan với những chất thuần túy hóa học để kích thích, để làm thay cho các chức phận bị suy yếu, để tăng cường sức đề kháng đối với các tác nhân gây bệnh. Do đó, theo i của tác giả, một sức khỏe tự nhiên đòi hỏi, một mặt tìm cách làm cho cơ thể tự sản xuất lấy những chất hóa học đó; mặt khác, để phá phá nhị nguyên luận, cần phải đi rất sâu vào sự hiểu biết về thể xác và tâm hồn.

So sánh i học hiện đại với i học Hipocrat, trong cuốn « Những nguyên lí cơ bản của i học Hipocrat », Paul Carton khẳng định: I học hiện đại tưởng có thể chẩn đoán và chữa tất cả với những phát minh và trị liệu mới nhất của mình; nhưng nó không hình dung rằng trong nhiều trường hợp, người xưa chữa khỏi, có lẽ chậm hơn, nhưng bền vững hơn, với những phương tiện đơn giản và tự nhiên hơn. Tác giả cho rằng, lạm dụng các thuốc làm bằng chất hóa học và tiêm vào mạch máu những chất lạ dễ gây rối loạn thể dịch và nhiễm độc cơ thể, và chính vì lẽ đó mà trong mấy chục năm gần đây, nếu tỉ lệ các bệnh nhiễm trùng có giảm đi, thì ngược lại, số bệnh kinh niên có chiều hướng tăng lên, như các bệnh xơ gan, xơ thận, xơ mạch máu, ung thư, bệnh điên, bệnh đái đường, bệnh anbumin — niệu v.v... Và tác giả đi đến kết luận, cho rằng chữa bệnh theo tự nhiên bằng cách sửa chữa các sai lầm trong sinh hoạt vật chất và đời sống tinh thần là biện pháp tốt nhất, căn bản nhất để tạo nên một miễn dịch tự nhiên trong chữa bệnh và phòng bệnh.

Một đặc điểm về tình hình sức khỏe và bệnh tật trên thế giới hiện nay là xã hội càng tiến lên thì một số bệnh có mặt đi; nhưng đồng thời một số bệnh mới lại xuất hiện, như bệnh tim mạch, bệnh gan mật, bệnh chất tạo keo (colla génose) v.v... và một số bệnh khác có chiều hướng tăng lên, như ung thư, thấp khớp, bệnh siêu vi trùng, bệnh dị ứng, suy nhược thần kinh v.v... Bản báo cáo của L.B. Jôn-xơn năm 1965 về tình hình sức khỏe của nhân dân Mĩ cho biết có 48 triệu người sẽ là nạn nhân của ung thư; 15 triệu của bệnh tim mạch; 12 triệu của bệnh thấp khớp; 5 triệu rủi ro của suy yếu tinh thần. Và nhiều nhà khoa học phương Tây đã tỏ ra lo lắng về khả năng thích nghi và tiền đồ sức khỏe của "con người đang đứng trước một thế giới ngày càng cơ giới hóa, điện tử hóa và ngày càng trở nên phức tạp" (Hermann Muller).

Qua những phân tích và nhận xét về mặt hạn chế của i học hiện đại trên đây, chúng ta có thể suy đoán tính chất, bản chất, tác dụng, nhiệm vụ và sứ mạng của nền i học xã hội chủ nghĩa. Có thể nói, một nhiệm vụ căn bản và chủ yếu của i học xã hội chủ nghĩa là đem lại cho con người một sức khỏe tự nhiên, một sức chống bệnh tự nhiên bằng những biện pháp tự nhiên là chủ yếu, để tăng cường khả năng thích nghi với những điều kiện sinh hoạt mới, và góp phần phát triển con người toàn diện.

Muốn làm được nhiệm vụ trên đây, i học xã hội chủ nghĩa không phải chỉ giải thích cơ thể mà còn có khả năng cải tạo cơ thể. Về mặt tác dụng, đó chính là sự khác nhau căn bản giữa i học xã hội chủ nghĩa và i học hiện đại. Và muốn cải tạo được cơ thể, nền i học mới, như Macxim Goocki đã nói rõ "có nhiệm vụ khám phá bí quyết cấu tạo và qui luật phát triển của cơ thể" (Trả lời các nhà trí thức phương Tây).

Nhưng muốn giải quyết được vấn đề mấu chốt đó, i học xã hội chủ nghĩa phải là một nền i học tổng hợp cao. Đối lập với nguyên luận của Descartes (đã bị Alexis Carrel phủ nhận), nhất thiết nó phải là nhất nguyên theo quan điểm của Lênin: "Việc loại trừ nhị nguyên luận về tinh thần và cơ thể bởi chủ nghĩa duy vật (nhất nguyên luận duy vật chủ nghĩa) là ở chỗ, nó tuyên bố tinh thần không tồn tại độc lập đối với cơ thể, nên nó chỉ là nhân tố thứ yếu, một chức năng của óc, là hình ảnh của thế giới bên ngoài" (Chủ nghĩa duy vật và chủ nghĩa kinh nghiệm phê phán).

Chính đó là nền i học mà Alexis Carrel đã nói tới trong bài tựa cuốn "Con người, kẻ xa lạ ấy": "Những nhà cách mạng Nga có thể tạo ra một nền văn minh mới nếu họ có một quan niệm thật sự khoa học về con người còn thiếu trong cái nhìn của Các Mác (vision de Karl Marx). Sự đổi mới của nền văn minh chúng ta, đòi hỏi một cách bức thiết, ngoài một nỗ lực tinh thần lớn, một hiểu biết toàn diện về con người".

Và chỉ có nền i học đó mới có khả năng đưa con người tới chỗ làm chủ được mình theo sự dự đoán của Enghen: "Loài người, cuối cùng, sau khi đã làm chủ được phương thức sinh hoạt trong xã hội của mình thì chính cũng do đó mà trở thành những người làm chủ được tự nhiên, làm chủ cả chính mình, tức là trở thành người tự do" (Chống Durinh).

Xét đến cùng, mục đích cao cả của i học xã hội chủ nghĩa là, trong điều kiện sinh hoạt của xã hội mới và trên cơ sở giáo dục để mọi người tự biết mình, biết cách sống phù hợp với qui luật của tự nhiên, với qui luật phát triển của cơ thể, đem lại một sức khỏe tự nhiên, một sức chống bệnh tự nhiên. Đó là điều kiện căn bản để tăng cường khả năng thích nghi với hoàn cảnh thiên nhiên và điều kiện xã hội, để có thể phát triển một cách toàn diện và phát huy mọi khả năng tốt đẹp của con người theo nhân sinh quan cách mạng: "Sống là hành động; sống là sáng tạo; sống là phát huy những năng khiếu quý báu; sống là chiến thắng lực lượng tự nhiên để cho con người được khỏe mạnh, sống lâu và hạnh phúc đời đời bền vững trên trái đất" (Macxim Goocki).

Tóm lại, trở về với tự nhiên để chinh phục tự nhiên nhằm góp phần tối ưu hóa mọi khả năng của con người là cái vốn quý nhất: đó là sứ mạng thiêng liêng của nền i học mới, xã hội chủ nghĩa.

Trên đây là đại thể con đường tiến lên của i học thế giới. Vậy i học của ta có khả năng đuổi kịp i học thế giới không? Hay nói cách khác, i học của ta có khả năng tiến thẳng lên i học xã hội chủ nghĩa không? Hay nó bắt buộc phải trải qua con đường phát triển của i học hiện đại?

Tiến thẳng lên i học xã hội chủ nghĩa là con đường đi tắt đòi hỏi i học của ta phải có một bước nhảy vọt. Bước nhảy vọt đó chỉ có thể thực hiện được trên cơ sở giải quyết

mâu thuẫn cơ bản nhất của i học nước ta — mâu thuẫn giữa đông i và tây i, nhằm tiến tới thống nhất đông i và tây i. Đó chính là mấu chốt của vấn đề nói trên: quan hệ cách mạng giữa quá trình phát triển tuần tự và khả năng nhảy vọt của i học Việt-nam.

Làm thế nào thống nhất được đông i và tây i? Và cái chìa khóa để giải quyết vấn đề đó, có thể tìm thấy ở đâu? Đó là một vấn đề không đơn giản. Trong ngành i còn có không ít người cho rằng đông i là đông i, tây i là tây i, không bao giờ có thể gặp nhau được. Nhưng chúng tôi lại nghĩ khác: i học chỉ là một, không thể có hai chân lý trong i học, sự thống nhất đông i và tây i có khả năng trở thành hiện thực.

Với niềm tin đó, chúng tôi đã đề ra nhiều năm suy nghĩ và tìm tòi, nhưng thời gian đầu không kết quả. Cuối cùng, cái chìa khóa mà chúng tôi đi tìm ở nước ngoài, trong tây i và ở các nhà khoa học, thì không ngờ nó lại ở ngay trong nước, ở trong đông i và nằm trong tay một thầy thuốc bình thường, một lương i giản dị, và dưới hình thức một học thuyết bí truyền. Điều đó làm cho tôi nghĩ tới lời nói của Xtalin: « Có lúc, mở những con đường mới cho khoa học và kĩ thuật không phải là do những người có tên tuổi trong khoa học, mà là do những người mà giới bác học hoàn toàn không biết đến, do những người bình thường, những người thợ nghề, những người cải cách trong chuyên khoa của họ. »

Đây là một học thuyết độc đáo của đông i Việt-nam mà chúng tôi đã thừa kế được qua lương i Hoàng Phúc Đường, học trò của Hoàng Chu Cơ là người sáng lập ra nó. Nó ra đời ở nước ta cách đây gần nửa thế kỉ, dưới hình thức bí truyền với một tên cổ kính: « Can đởm vi chủ » (nghĩa là gan mật quyết định toàn bộ các hoạt động trong cơ thể). Nhưng sau khi đã chỉnh lí và phát huy nó thành một lí luận mới, chúng tôi đã đổi tên và gọi nó là học thuyết « Can Đởm » (gan mật).

Học thuyết « Can Đởm » có những đặc sắc gì, những khả năng gì và nó có thể đáp ứng được yêu cầu của ta tới mức độ nào? Nếu chỉ có khả năng thống nhất đông i và tây i thì nó chỉ cho phép chúng ta xây dựng một nền i học Việt-nam mới, dân tộc và hiện đại. Nếu nó phù hợp với khoa học xã hội hiện đại, với toán học hiện đại, đặc biệt là điều khiển học, thì nó cho phép chúng ta xây dựng một nền i học mới của Việt-nam vừa dân tộc vừa hiện đại, vừa tiên tiến, nói gọn là một nền i học Việt-nam xã hội chủ nghĩa.

Trong gần 20 năm qua, chúng tôi đã tìm hiểu học thuyết « Can Đởm » trên các phương diện đó. Nhưng vì nước ta là một nước nghèo có ít phương tiện hiện đại, cho nên chúng tôi phải chọn con đường ngắn nhất, con đường bắt buộc của những người đi tắt: vận dụng những phương pháp nghiên cứu hiện đại và tiên tiến mà chủ yếu là phương pháp duy vật biện chứng và phương pháp mô hình hóa (điều khiển học) trong nghiên cứu lí thuyết; ứng dụng trên lâm sàng để rồi phổ biến rộng rãi theo phương pháp đón hai đầu của một quá trình, tức là phương pháp « hộp đen », trong nghiên cứu thực nghiệm.

Khuôn khổ bài báo không cho phép đi sâu vào chi tiết, cho nên ở đây chúng tôi chỉ giới thiệu học thuyết « Can Đởm » trên những nét lớn, trước tiên là về nguồn gốc, đặc điểm, nội dung, có liên hệ với i học hiện đại, với khoa học xã hội hiện đại, với toán học hiện đại. Và sau cùng, trước khi đi vào kết luận, chúng tôi sẽ đề cập vấn đề trung tâm: triển vọng của một nền i học Việt-nam mới xã hội chủ nghĩa.

Nếu trở về với nguồn gốc của i học thì cách đây hàng nghìn năm, nhiều nền i học cổ đã đề cao vai trò của gan trong cơ thể. I học cổ của Ai-cập cho rằng gan là cơ quan quan trọng nhất vì nó là nguồn gốc của máu (F. Bégnez); i học Assyrien và Babylonien quan niệm gan là cơ quan cần thiết nhất cho sự sống (G. Contenau); i học Etrusque cho rằng gan đứng đầu các cơ quan (P. Seidmann); i học Samarien cho rằng máu là nguồn gốc của sự sống, gan là trung tâm của tuần hoàn máu, cho nên gan là cơ sở của những hiện tượng quan trọng nhất của sự sống (A. Castiglioni). Với quan niệm cơ thể con người gồm có bốn thể dịch cơ bản, quyết định sức khỏe và bệnh tật: mật vàng, mật đen, máu và đờm, i học Hipocrat, vô hình chung, cũng đã đề cao vai trò của gan mật. Như vậy, học thuyết « Can Đởm » không phải là một cái gì hoàn toàn mới, nhưng cái mới của nó là ở chỗ, không chỉ đề cao vai trò của gan mà còn xây dựng cả một lí luận về vai trò làm chủ của gan mật đối với toàn bộ các hoạt động trong cơ thể (can đởm vi chủ).

Trong Nội kinh (sách kinh điển của đông i), chức năng của gan mật đã được nói rõ: gan là một cơ quan làm lụng khó nhọc (bì cực) có chức năng sản xuất ra máu có hàm năng lượng (huyết khí); lúc ngủ thì huyết trở về gan (có nghĩa là huyết có trở về gan thì mới ngủ được); lúc gan uất (co thắt lại làm giảm năng lực hoạt động lúc người ta gặp những điều trái ý mà không nói ra được) thì phát

sinh ra đầu ở vùng thượng vị (dạ dày); tất cả năm tạng, sáu phủ đều chịu sự điều tiết (thủ quyết) của túi mật (đờm). Ngoài ra, một số yếu tố tinh thần có liên quan với tính năng động chủ quan như gan dạ, dũng cảm, mưu lược, quyết đoán, phấn khởi, cương trực đều bắt nguồn từ gan mật.

Hoàng Chu Cơ đã sáng lập ra học thuyết «Can Đờm» trên cơ sở phát huy một số điểm mà ông tâm đắc ở trong sách Nội kinh và đã được ông kiểm nghiệm qua thực tiễn lâm sàng. Nhưng trước Hoàng Chu Cơ, Hải Thượng Lãn Ông đã đề cao vai trò của gan: «Đứng đầu các kinh lạc, gan là nguồn gốc của mọi chuyển hóa trong cơ thể» (Quyết âm là lãnh tụ của 12 kinh, chủ sinh hóa âm dương—Khôn hóa thái chân). Vì vậy có thể nói học thuyết «Can Đờm» là một bước phát triển mới của đông y nói chung, của đông y Việt-nam nói riêng.

Học thuyết «Can Đờm» ra đời trong điều kiện chủ quan là trong nội bộ đông y đang tồn tại một số mâu thuẫn: mâu thuẫn giữa xu hướng tổng hợp của thời cổ (kinh phương) và xu hướng phân tích của các thời sau (thời phương), mâu thuẫn giữa xu hướng đề cao vai trò của kinh lạc là ngọn (thuyết lục kinh) và xu hướng đề cao vai trò của tạng phủ là gốc (thuyết tì vị, thuyết thủy hỏa v.v...); nhưng căn bản nhất là mâu thuẫn giữa khuynh hướng duy tâm đề cao tinh thần và khuynh hướng duy vật đề cao vật chất. Theo sách Nội kinh thì tì (tâm) là cơ quan đứng đầu các tạng phủ vì nó là trung tâm của hoạt động tinh thần (tâm tàng thần). Theo «thuyết tì vị» thì tì vị (tạng tụy và dạ dày) là cơ quan quan trọng nhất vì là chủ về tiêu hóa và bài tiết, nó tạo ra cơ sở vật chất cho cơ thể. Theo «thuyết thủy hỏa» thì thận đứng đầu các cơ quan vì nó có chức năng chứa đựng «tinh» (thận tàng tinh) là cơ sở vật chất của tinh thần, và là nguồn cung cấp năng lượng chủ yếu cho mọi chuyển hóa trong cơ thể (biến tinh thành khí, biến khí thành thần).

Nhưng với cách nhìn độc đáo của mình, Hoàng Chu Cơ cho rằng một cơ quan dù quan trọng đến đâu cũng không thể quyết định được các hoạt động trong cơ thể nếu nó không trực tiếp sản xuất ra các chất dinh dưỡng (khí huyết) để nuôi sống cơ thể. Từ đó, ông kết luận rằng tì, vị, thận tuy quan trọng nhưng không có tác dụng quyết định, do đó không phải là những bộ phận quan trọng nhất. Trái lại, gan mật là cơ quan trực tiếp sản xuất ra khí huyết (gan sinh ra huyết khí) đồng thời thông qua cơ chế giấc ngủ (lúc ngủ

thì huyết trở về gan), nó chi phối cả sự tuần hoàn và chuyển hóa của khí huyết. Vì vậy, ông khẳng định rằng gan mật là cơ quan quan trọng nhất của cơ thể, nó có tính chất căn bản và có tác dụng quyết định mọi hoạt động trong cơ thể, kể cả hoạt động tinh thần, thậm chí cả cơ chế phát sinh và phát triển của bệnh tật (can uất).

Như vậy, học thuyết «Can Đờm» là một học thuyết có tính chất tổng hợp cao mà bản chất là nhất nguyên (nhất nguyên luận duy vật chủ nghĩa), vì nó quan niệm tinh thần không tách rời vật chất (tì, não) và do đó phụ thuộc vào công năng dinh dưỡng và cơ chế giấc ngủ là hai nhu cầu sinh lý cơ bản mà gan mật là trung tâm. Trên phương diện đó, học thuyết «Can Đờm» phù hợp với luận điểm của Engchen «xác định dinh dưỡng là chức năng căn bản và phổ biến nhất, từ đó nảy sinh ra tất cả những dấu hiệu khác của sự sống» — (Do L.M. Isimova dẫn giải trong bài: Phạm trù triết học bản chất và hiện tượng trong y học). Luận điểm đó còn được Engchen bổ sung thêm: «Chỉ có cơ thể mới phản ứng một cách độc lập, đương nhiên là trong phạm vi khả năng của nó (giấc ngủ) và với điều kiện trước tiên là phải cung cấp thức ăn đầy đủ» (Phép biện chứng của tự nhiên).

Đó là đặc điểm cơ bản nhất của học thuyết «Can, Đờm», tính chất sáng tạo và độc đáo của nó cũng là ở chỗ đó, và chính nhờ đó mà nó có khả năng giải quyết được mâu thuẫn cơ bản nhất đang tồn tại trong đông y: mâu thuẫn giữa xu hướng duy tâm và xu hướng duy vật. Nhưng muốn biết rõ nó giải quyết mâu thuẫn đó và các mâu thuẫn khác như thế nào, thì cần phải đi sâu vào nội dung của nó.

Vai trò làm chủ (chủ đạo) của gan mật thể hiện trên các chức năng cơ bản của cơ thể: tiêu hóa và bài tiết; nuôi dưỡng và bảo vệ; ngủ và thức; sinh dục và phát dục; hoạt động tâm lý và hoạt động tinh thần.

Tiêu hóa và bài tiết (chất cặn bã) là những chức năng cơ bản của cơ thể sống, vì nó là nguồn cung cấp các chất dinh dưỡng cần thiết cho mọi hoạt động trong cơ thể. Một chức năng của gan là tiết ra chất mật (đờm trấp) để giúp cho công năng tiêu hóa và bài tiết của tì vị. Vì vậy, có thể nói gan mật chi phối hoạt động sinh lý của tì vị, và giữa hai bên có mối quan hệ hiệp đồng rất mật thiết.

Theo tây y, gan sản xuất ra chất mật. Chất mật đó được tích trữ trong túi mật để được cô đặc lại và sau đó được tiết xuống ruột để giúp cho tiêu hóa các thức ăn mà đặc biệt là

các chất mỡ. chất mật có bốn tác dụng chủ yếu: kích thích men tiêu mỡ (lipase) của tạng tụy, kích thích nhu động của ruột, sát trùng và ngăn chặn hiện tượng hôi thối (putréfaction).

Tiêu hóa gồm có ba giai đoạn: giai đoạn thứ nhất ở dạ dày, giai đoạn thứ hai ở ruột, giai đoạn thứ ba ở gan. Theo giáo sư Loeper thì giai đoạn thứ ba là quan trọng nhất vì nó được tiến hành trước khi đi vào phân phối (Tứ triệu chứng học đến điều trị học).

Một hiện tượng sinh lý quan trọng khác đáng được chú ý là: với một số lượng mật rất ít, gan có khả năng tiêu hóa một khối lượng thức ăn rất lớn. Đó là nhờ có « chu trình ruột gan » (cycle entéro-hépatique) trong đó chất mật, sau khi tiết xuống ruột để giúp cho tiêu hóa các thức ăn, được gan thu hồi lại (95%). Vì vậy, chu trình ruột-gan được xem như một cơ chế tiết kiệm (Rougier và Fabre). Có lẽ phần lớn các bệnh khởi phát bằng sự rối loạn của chu trình này.

Nuôi dưỡng và bảo vệ là hai nhu cầu cơ bản của cơ thể. Trên phương diện đó, gan mật đóng một vai trò quan trọng có tính chất quyết định, vì gan sinh ra huyết khí (máu có hàm năng lượng) để nuôi sống cơ thể, tái mật tiết mật xuống ruột để giúp cho bài tiết (chất cặn bã). Sở dĩ gan có khả năng bảo vệ cơ thể, chống lại các chất độc là nhờ máu do nó sản xuất ra có hàm năng lượng (khí). Và vì nó làm được nhiệm vụ đó cho nên đông i ví gan như một vị tướng (tướng quân), nhưng là vị tướng khôn ngoan và có mưu trí (can chủ về mưu lược).

Theo tây i, gan tạo ra prôtêin trong máu; sản xuất ra huyết sắc tố để chuyển chở dưỡng khí cần thiết cho sự sống của tế bào; chứa nguyên tố chống thiếu máu có tác dụng kiểm soát chức năng tạo huyết của tủy xương, sản xuất ra chất đông máu và chất chống đông máu. Ngoài ra, gan còn tích trữ chất sắt, nhiều loại vitamin khác nhau, đặc biệt là vitamin B₁₂ và axit folic v.v...

Một trong những chức năng đặc biệt nhất của gan là sản xuất ra glucôgen là nguồn cung cấp glucose, một chất đốt cần thiết cho hoạt động của các tế bào, các mô, các cơ, các cơ quan mà chủ yếu là tim và não (đông i nói gan sinh ra máu có hàm năng lượng có lẽ đã nghĩ tới chất này). Khi cơ thể thiếu chất đốt đó thì gan lại cung cấp cho nó bằng cách chuyển glucôgen thành glucose. Vì vậy, có thể nói « thành phần hóa học của cơ thể chúng ta ổn định được là nhờ sự điều chỉnh tự động của gan — một máy điều chỉnh tự động

sống mà thiên nhiên phú cho ta, và hàm lượng đường trong máu là tín hiệu cho quá trình điều khiển » (Eléna Xaparina).

Đánh giá vai trò của gan trong dinh dưỡng và bảo vệ cơ thể, giáo sư Loeper viết: « Gan là cái máy chuyển hóa lớn nhất của cơ thể, kho dự trữ giàu nhất, máy lọc tinh vi nhất, thành trì kiên cố nhất. Và toàn bộ dinh dưỡng là phụ thuộc vào nó » (Tứ triệu chứng học đến điều trị học).

Ngủ và thức là những hiện tượng sinh lý tự nhiên của cơ thể. Nhờ có giấc ngủ, con người mới thích nghi được với hoàn cảnh thiên nhiên, theo nhịp điệu ngày—đêm (rythme nyctéméral) của nó. Cùng với dinh dưỡng, giấc ngủ chi phối toàn bộ các bộ phận, các tổ chức trong cơ thể, và qua đó, tất cả các chức phận, do đó nó có một tác dụng quyết định lớn đối với sức khỏe, sức chống bệnh và tuổi thọ của con người. Chính vì vậy mà cơ chế giấc ngủ đã trở thành một vấn đề trung tâm của tất cả các nền i học. Nhưng trên vấn đề đó, các nền i học thể hiện những quan điểm khác nhau, thậm chí đối lập nhau, và cho đến nay, cơ chế giấc ngủ vẫn được xem như một vấn đề nan giải của sinh lý học (calvaire de la physiologie).

Theo Hipocrat, ngủ là một quá trình vận động ưu thế tập trung (pression des mouvements concentriques); ngược lại, thức là một quá trình vận động ưu thế khuếch tán (pression des mouvements excentriques). Theo Paplôp, ngủ là một quá trình ức chế của vỏ não khuếch tán khắp vỏ não và tràn lan xuống các bộ phận dưới vỏ; thức là một quá trình hưng phấn của vỏ não. Theo Moruzzi và Megoun thì « cấu tạo lưới » là trung tâm của cơ chế ngủ, thức. Điều hòa và thống nhất hai quan điểm đối lập đó, i học hiện đại có khuynh hướng xem sự tác động qua lại giữa vỏ não và dưới vỏ (interrelations cortico-sous corticales) như căn bản của cơ chế ngủ, thức (sinh lý i học của Rougier và Fabre).

Khác với tây i, đông i nói chung và học thuyết « Can Đởm » nói riêng cho rằng, quyết định giấc ngủ là do gan chứ không phải do não, vì huyết không trở về gan thì người ta không ngủ được. Sự đối lập giữa quan điểm của tây i và quan điểm của đông i về cơ chế giấc ngủ chỉ có thể giải quyết được trên cơ sở thực nghiệm. Nhưng trong lúc chờ đợi, có một điều đáng chú ý là, nếu áp dụng phương pháp mô hình hóa vào i học thì học thuyết « Can, Đởm » rất phù hợp với khoa học xã hội hiện đại ở chỗ nó khẳng định vai trò

quyết định của hạ tầng cơ sở (gan mật) đối với thượng tầng kiến trúc (não).

Vận dụng điều khiển học vào sinh lí học, Henri Laborit khẳng định rằng, sự thích nghi của con người đối với bên ngoài là thông qua hoạt động nhịp nhàng của ngủ, thức. Và gần đây, trong hội nghị sinh lí học tổ chức ở Rumania (1970), người ta đã làm nổi bật vai trò quyết định của các nhịp sinh học (rythmes biologiques) mà tiêu biểu là ngủ—thức đối với sinh tổng hợp ARN trong thượng thận, và hội nghị nhất trí xem ngủ—thức như « nhịp điệu bên trong » (cadence intérieure) của con người.

Sinh dục và phát dục là hai chức phận cơ bản của sinh vật, tuy khác nhau nhưng có liên quan rất mật thiết. Theo đông ý, hai chức phận đó đều phụ thuộc vào chất « tinh » (nội tiết tố—theo tây ý) vì người ta có thể sử dụng nó vào việc sinh con để cái để duy trì nòi giống (sinh dục) hoặc giữ nó lại (tàng tinh) để phát huy tác dụng phát dục của nó, tức là tác dụng thúc đẩy sự phát triển của cơ thể. Vì vậy, sách Nội kinh nói: « Tinh là gốc sinh mệnh của con người ».

Theo đông ý, chất « tinh » đó là do năm tạng sản xuất ra từ thức ăn rồi tàng trữ ở thận (thận tàng tinh) để làm cơ sở vật chất cho chức năng sinh dục mà bộ phận chuyên trách là « mệnh môn hỏa » (tuyến sinh dục—theo tây ý). Nhưng học thuyết « Can Đổm » cho rằng, sản xuất ra chất « tinh », chủ yếu là do gan vì huyết có trở về gan (can tàng huyết) thì người ta mới ngủ được, và có ngủ được thì chất « tinh hoa » lấy từ thức ăn và chứa đựng trong máu mới có thể kết lại thành « tinh » (quá trình tổng hợp—theo tây ý).

Theo tây ý, gan sản xuất ra chất cholestérol là một chất cần thiết (dưới dạng nhân stérol hình thành trong túi mật) để cho thận và tuyến sinh dục sinh tổng hợp nội tiết tố thượng thận và nội tiết tố sinh dục (stéroïdes sexuels et corticaux). Theo Jacob và Monod, các chất nội tiết đó tác động đến ARN thông tin và do đó tác động đến quá trình sinh tổng hợp prôtêin. Và do đó, có thể nói « sự sinh trưởng, sự sinh sản của tế bào được điều hòa bởi các kích thích tố và phụ thuộc vào những qui luật chung của một cơ thể » (L.A. Nicôlaep).

Quá trình sinh tổng hợp các nuclêô prôtêin (ADN và ARN) phụ thuộc vào vitamin B12 và axit folic là hai coenzim của gan (Jukes, Broques, Stokstad). Cho nên lúc lao động quá căng, hàm lượng axit nuclêic trong máu giảm xuống không bởi nổi số lượng protit đã chi

phí làm cho toàn bộ cơ thể bị suy nhược, đòi hỏi phải cung cấp kịp thời vitamin B12 và axit folic (Oparin—Sinh hóa học và công nghiệp thực phẩm).

Hoạt động tâm lí là chức năng chung của sinh vật. Hoạt động tinh thần là chức năng đặc thù của sinh vật cao cấp mà đặc biệt là của người. Theo đông ý, năm tạng đều có hoạt động tâm lí, nhưng trung tâm của hoạt động tinh thần là tim và não. Tim và não hoạt động được là nhờ có tác dụng kích thích của chất « tinh » tàng trữ ở trong thận, cho nên thận suy thì thông minh và trí nhớ đều giảm. Nhưng, theo học thuyết « Can Đổm », hoạt động của tim và não không những phụ thuộc vào sự dinh dưỡng của gan mà còn bị chi phối bởi cơ chế giấc ngủ, vì lúc ngủ huyết có trở về gan thì tim và não mới có thể đi vào nghỉ ngơi để hồi sức. Như vậy, ức chế tim và não là do gan quyết định chứ không phải là do tim và não tự quyết định.

Theo học thuyết « Can Đổm », gan mật không phải chỉ là một cơ quan sản xuất vật chất (khí huyết) mà còn là một trung tâm hoạt động tinh thần. Như đã nói ở trên, nó là cơ sở sinh vật của tính năng động chủ quan (mưu lược, quyết đoán, dũng cảm, cương trực, phấn khởi v.v...) đồng thời nó có quan hệ mật thiết với cá tính (giống quan niệm khí chất của ý học Hipocrat). Do cá tính đó mà lúc phấn khởi, thoải mái, toại chí thì nó phát huy cao độ tính năng động chủ quan; trái lại lúc gặp những điều trái ý mà không nói ra được thì gây phẫn nộ, hoặc uất ức mà sinh ra bệnh.

Về quan hệ giữa gan với hoạt động tâm lí và hoạt động tinh thần, tây ý chỉ nêu lên một số triệu chứng thần kinh suy nhược trong suy gan chức năng. Nhưng có một điều đáng chú ý là gần đây trong bệnh lí học, quan hệ giữa gan và não thể hiện ngày càng rõ rệt, do đó đã đẻ ra một danh từ mới « bệnh gan—não » (encéphalopathie hépatique) như hôn mê do tăng amoniac trong máu, bệnh Wilson mà đặc điểm chủ yếu là bệnh xơ gan có kèm theo thoái hóa của não.

Một điều đáng chú ý nữa là, nhiều danh ý cổ Hi-lạp nói rất nhiều đến quan hệ giữa gan và não. Arétée de Cappadoce cho rằng, bệnh u uất (mélancolie) và bệnh thao cuồng (manie) là xuất phát từ vùng hông (hypochondre) và đầu (tức là gan và não). Hipocrat đã mô tả một trường hợp viêm gan điển hình có kèm theo rối loạn tinh thần; và Dioclès de Caryste cho rằng, bệnh u uất là do mật đen hòa lẫn trong máu tác động lên tim hoặc

não (Lịch sử i học thể giới của Laignel Lavastine).

Tóm lại, là trung tâm quyết định các quá trình nuôi dưỡng, bài tiết và ngủ thức; là nguồn gốc của chức năng sinh dục, công năng phát dục và hoạt động tinh thần; là cơ sở sinh vật của cá tính và tính năng động chủ quan, gan mật làm chủ toàn bộ các hoạt động trong cơ thể. Và nếu những động lực cơ bản thúc đẩy các quá trình sống là những mâu thuẫn của nội bộ cơ thể, thì có thể nói, gan mật chi phối các qui luật cơ bản của đời sống con người: qui luật sinh trưởng (mâu thuẫn giữa nuôi dưỡng và bài tiết, giữa ngủ và thức); qui luật phát dục (mâu thuẫn giữa chức năng sinh dục và công năng phát dục); qui luật phát triển tinh thần (mâu thuẫn giữa tính tiêu cực và tính tích cực, giữa vì mình và vì người v.v...).

Ba phát hiện lớn mà học thuyết «Can Đổm» có khả năng đem lại để làm giàu cho i học là:

— Trên cơ sở một tổng hợp cao, nó phát hiện ra một trung tâm hợp nhất (centre d'intégration) các quá trình cơ bản của sinh lí (nuôi dưỡng và giấc ngủ); của tâm lí (cá tính và tính năng động chủ quan); của bệnh lí (gan uất và bệnh sinh), do đó có tác dụng quyết định đối với toàn bộ các hoạt động trong cơ thể, kể cả hoạt động tinh thần, theo quan điểm nhất nguyên (nhất nguyên luận duy vật chủ nghĩa).

— Trên cơ sở phân tích các bộ phận và các quan hệ, nó đem lại một quan niệm toàn diện về con người: quan hệ giữa các bộ phận trong cơ thể; giữa thể chất và tinh thần; giữa con người và hoàn cảnh thiên nhiên (ngủ — thức); giữa người và người (gan uất và bệnh sinh); giữa di truyền (chức năng sinh dục) và thích ứng (công năng phát dục); giữa tính riêng (cá tính) và tính chung (tính năng động chủ quan).

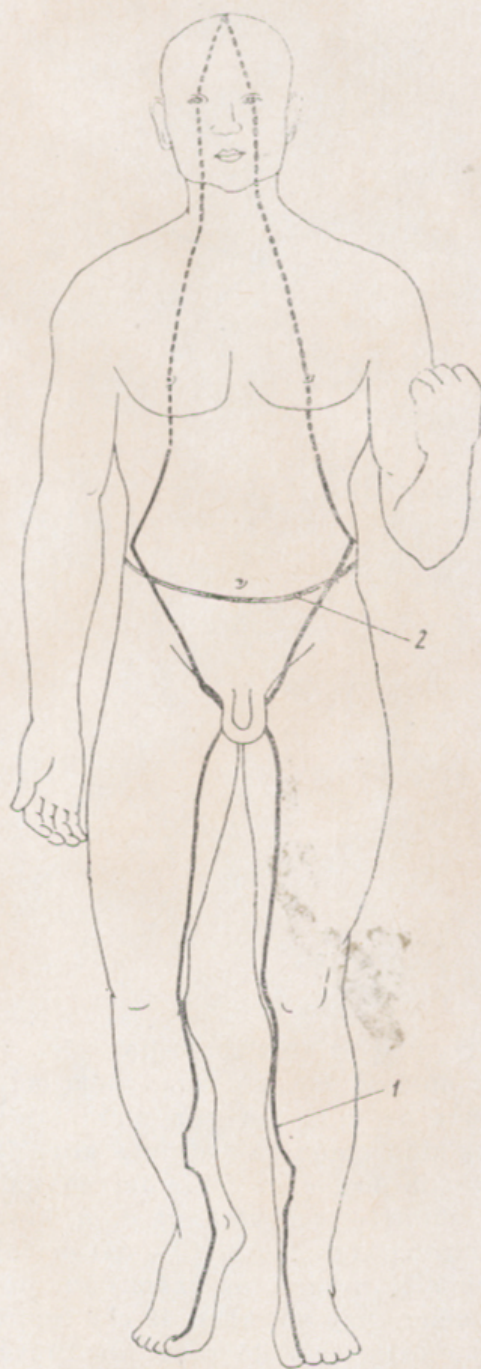
— Trên cơ sở xác định cấu trúc và cơ chế của một cơ thể toàn vẹn, nó khám phá ra được qui luật phát triển của cơ thể nói riêng, của con người nói chung để mở ra khả năng cải tạo cơ thể, hay nói theo danh từ chuyên môn của điều khiển học, «tối ưu hóa» hoạt động của con người.

Với ba phát hiện trên đây, học thuyết «Can Đổm» đã đơn giản hóa i học, làm cho nó ổn định đồng thời đem lại cho nó một trật tự, và như vậy, làm cho i học phù hợp với các hướng nghiên cứu lớn của toán học hiện nay: tìm cái đơn giản trong cái phức

tạp; tìm cái ổn định trong cái bất định; tìm một trật tự trong tập hợp hỗn độn (Hoàng Tụy).

Ba phát hiện nói trên đem lại cho học thuyết «Can Đổm» ba tác dụng lớn:

Một là, nó làm thay đổi kiến trúc của đông i bằng cách đem hệ thống nhị phân (Can Đổm) thay thế cho hệ thống thập phân cũ (năm tạng, sáu phủ). Và như vậy nó có tác dụng tinh giản hóa đông i — vừa đơn giản, dễ phổ cập, vừa nâng cao, phù hợp với khoa học hiện



1 — Can kinh

2 — Đài mạch



Đốm kinh

đại, đặc biệt là điều khiển học. Một ví dụ cụ thể là nó đem lại một quan niệm mới về cấu trúc của hệ kinh lạc: từ phức tạp (gồm 12 đường kinh chính và 8 đường kinh đặc biệt) trở thành đơn giản (chỉ gồm có hai đường kinh chính — can kinh và đốm kinh — với một đường kinh đặc biệt — đái mạch). Đó là một mô hình mới của châm cứu, một sơ đồ xibecnêtic, hay nói khác, là cấu trúc của một cơ thể toàn vẹn. Rõ ràng, học thuyết « Can Đốm » mở ra một hướng nghiên cứu mới cho y học, vì « những thành tựu trong việc nghiên cứu sự sống ở mức độ phân tử hiện nay, bản thân chúng đang chuẩn bị để chuyển trọng

tâm nghiên cứu lên bậc cao hơn của tế bào và cơ thể toàn bộ » (A.L. Cuaxanôp).

Hai là, nó có khả năng thống nhất đồng i với tây i, vì i học hiện đại không ngừng ngày càng đề cao vai trò của gan, coi nó như cái « xương ché tạo lớn nhất », là « phòng hóa học trung ương của cơ thể » (H. Roger) mà còn khẳng định sự tối cần thiết của nó đối với sự sống của sinh vật nói chung.

Thực nghiệm cắt bỏ gan toàn phần (hépatectomie totale) đã chứng minh: « Về sinh lý học, gan là cơ quan quan trọng nhất của cơ thể trên phương diện sinh mạng (plan vital): một sinh vật vẫn sống được sau khi bị cắt bỏ thận, và kể cả những bộ phận quan trọng của hệ thần kinh trung ương. Nhưng nó không thể sống lâu sau khi bị cắt bỏ gan » (Jacques Caroli — Gan và bệnh của gan — 1967).

Thực nghiệm cắt bỏ gan một phần (hépatectomie partielle) đã chứng tỏ, gan có khả năng tự tái tạo (régénération) — tự khôi phục trọng lượng và chức năng cũ một cách nguyên vẹn — và do đó đã phát hiện một chức năng đặc thù mới của gan: « Bảo tồn tính hằng định của khối lượng tế bào gan cần thiết cho yêu cầu chức phận của cơ thể » (Fauvert — I học toàn thư).

Và trên phương diện bệnh lý học, giáo sư Parturier đã nhấn mạnh về cương vị đặc biệt của gan trong cơ cấu của cơ thể: « Có lẽ hơn bất cứ một cơ quan nào khác, gan có khả năng, một khi công năng của nó bị rối loạn, gây hỗn loạn cho các tuyến và hệ thống khác có quan hệ sinh lý trực tiếp hoặc gián tiếp với nó; và ngược lại, hơn bất cứ một cơ quan nào khác, nó phải chịu đựng sự tác động ngược lại của rối loạn chức năng của chúng » (A. Colin — Trích dẫn trong cuốn « Nguyên lý của một nền i học theo tự nhiên » — Médecine naturiste).

Ba là, trên cơ sở khám phá ra bí quyết cấu tạo và qui luật phát triển của cơ thể, nó có khả năng xây dựng một khoa học mới — khoa học con người (science de l'homme) để thống nhất khoa học tự nhiên với khoa học xã hội.

Với những ưu điểm căn bản trên đây, học thuyết « Can Đốm » mở ra cho ta triển vọng của một nền i học mới của Việt-nam với trình độ tổng hợp cao mà bản chất nhất nguyên rất phù hợp với i học xã hội chủ nghĩa. Ứng dụng vào thực tiễn chữa bệnh và phòng bệnh, nó sẽ đem lại cho i học của ta ba hướng phát triển mới:

Một là, gan mặt tượng trưng cho phương thức sinh hoạt của cơ thể, do đó nó chi phối toàn bộ các hoạt động trong cơ thể, và ngược

lại, đồng thời nó chịu sự tác động của tất cả các hoạt động đó. Vì vậy, nền i học mới của Việt-nam xây dựng trên cơ sở học thuyết «Can Đorm» sẽ là một nền i học dự phòng với đặc điểm chủ yếu là phòng bệnh toàn diện: ăn, ở, mặc, ngủ, làm việc, giải trí, sinh hoạt, thói quen, cá tính, tinh thần, tư tưởng thậm chí cả quan hệ nam nữ, quan hệ vợ chồng, quan hệ giữa người với người nói chung. Đó là một hướng phát triển phù hợp với quan điểm của Papiôp: «Khi đã hiểu biết được tất cả nguyên nhân của bệnh thì i học ngày nay sẽ trở thành i học của tương lai, nghĩa là trở thành vệ sinh học với tất cả i nghĩa rộng rãi của danh từ ấy».

Hai là, dưới ánh sáng của điều khiển học và trên cơ sở hệ thống nhị phân, học thuyết «Can Đorm» có tác dụng chỉnh lí và phát huy châm cứu để biến nó từ một khoa học điều khiển cổ đại thành một khoa học điều khiển hiện đại (điều khiển học) phù hợp với phương châm «nhanh, nhiều, tốt, rẻ» để góp phần phát triển nền i tế nhân dân của ta, đồng thời cho phép chữa khỏi một số bệnh khó mà các phương pháp khác không có khả năng giải quyết được.

Ba là, trên cơ sở bí quyết cấu tạo và qui luật phát triển của cơ thể mà nó đã khám phá ra được, học thuyết «Can Đorm» có khả năng chỉnh lí và phát huy phương pháp khí công của đông y để biến nó từ một khoa học con người cổ đại thành một khoa học con người hiện đại để góp phần cải tạo cơ thể, phát triển toàn diện và kéo dài tuổi trẻ con người, cải tạo nội tạng và đặc biệt là cải tạo bộ óc mà gan mật là hạ tầng cơ sở. Vì «Trong thời đại chúng ta, vấn đề quan trọng không những chỉ cần những lớp quặng mới của uran hay của than đá, mà còn cần giáo dục con người biết sử dụng đúng đắn các tài nguyên thiên nhiên. Vì rằng tài nguyên thiên nhiên hiện nay chính là kiến thức mà không phải là những đối tượng vật chất. Tài nguyên thiên nhiên chủ yếu là bộ óc của con người» (John Bernal—Khoa học và kĩ thuật trong thế giới tương lai).

Tuy nhiên, sự ra đời của nền i học mới của Việt-nam không những không phủ định các công trình nghiên cứu cũ, mà trái lại còn đòi hỏi phải đẩy mạnh chúng tiến lên. Vì trong i học cũng như trên phương diện xã hội, hoàn cảnh nước ta đòi hỏi chúng ta phải tiến hành song song cả hai cuộc cách mạng: cuộc cách mạng thứ nhất lấy việc ứng dụng kĩ thuật nước ngoài vào i học của ta là chủ yếu; cuộc cách mạng thứ hai lấy việc vận

dụng những thành tựu khoa học cao nhất vào việc giải quyết những vấn đề lí luận cơ bản để tạo nên những bước phát triển có tính chất nhảy vọt. Đó chính là nội dung của vấn đề nói trên: quan hệ cách mạng giữa quá trình phát triển tuần tự và khả năng nhảy vọt của i học Việt-nam.

Một điểm cuối cùng mà chúng tôi muốn nêu lên đây để chúng ta suy nghĩ và nghiên cứu là: Nước ta tuy nhỏ nhưng do những điều kiện lịch sử đặc biệt đã trở thành nơi tập trung những mâu thuẫn cơ bản của i học thế giới; mặt khác, nước ta là một nước nông nghiệp lạc hậu phải tiến thẳng lên chủ nghĩa xã hội bỏ qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa. Phải chăng học thuyết «Can Đorm» ra đời ở nước ta và trong điều kiện khách quan đó, là một tất yếu lịch sử để đáp ứng yêu cầu bức thiết của cách mạng Việt-nam? Và cũng cần nói rõ thêm là, học thuyết «Can Đorm» ra đời ở nước ta trong lúc, như đã nói rõ trong bài trước, qui luật phát triển của i học thế giới là từ cái cũ (i học cổ truyền mà tiêu biểu là đông y) trở về cái cũ ở trình độ cao hơn, đang đòi hỏi phải có một bước nhảy vọt trong đông y để cho đông y và tây y có thể gặp nhau.

Tóm lại, trong bài này và hai bài trước (Tập chí *Hoạt động khoa học* số 9 và số 10-1972) chúng tôi đã nêu lên và đã giải quyết một số vấn đề mà chúng tôi cho là then chốt đối với i học của ta. Đó là một sự cố gắng đi tìm con đường ngắn nhất để cho đông y tiến lên hiện đại; con đường tốt nhất để nhìn thấy hướng đi lên của i học thế giới; con đường đi tắt để cho i học ta có thể tiến nhanh và đuổi kịp i học thế giới. Đó chính là cố gắng đi «theo những con đường tốt nhất và độc đáo, phù hợp với điều kiện của nước ta, với yêu cầu của nhân dân ta và với những kiến thức khoa học hiện đại nhất» như Đảng ta đã chỉ rõ.

Nhưng i học là sự nghiệp của quần chúng. Nó đòi hỏi sự tham gia của nhiều người, của nhiều ngành, mà đặc biệt là của tất cả những người làm công tác khoa học, không phân biệt khoa học tự nhiên hay khoa học xã hội. Vì chỉ với điều kiện đó thì sự nghiệp cách mạng i học của ta mới có thể hoàn thành tốt đẹp để đáp ứng nhu cầu của nhân dân ta, đồng thời góp phần xứng đáng của mình vào kho tàng i học thế giới mà trước tiên là góp phần xây dựng nền i học xã hội chủ nghĩa. Và làm tốt việc đó là đã sáng tạo một giá trị tinh thần cao đẹp cho dân tộc ta và cho cả loài người.